

**BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2008 TRÊN ĐỊA BÀN  
HUYỆN DI LINH - TỈNH LÂM ĐỒNG**

*(Kèm theo Quyết định số 52/2007/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2007 của UBND tỉnh Lâm Đồng)*

**A. ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ**

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
<b>I</b>	<b>Đọc theo Quốc lộ 20 (theo hướng từ TP.HCM đi TP.Đà Lạt)</b>	
1	Đoạn giáp ranh xã Liên Đàm đến đường Nguyễn Văn Cừ	720
2	Từ đường Nguyễn Văn Cừ đến đầu đường Nguyễn Văn Trỗi	1.080
3	Từ đường Nguyễn Văn Trỗi đến đầu đường QL 28	1.440
4	Từ đầu đường QL28 đến ngã 4 Nguyễn Du - Mọ Kọ	1.800
5	Từ ngã 4 Nguyễn Du - Mọ Kọ ngã 3 bệnh viện	1.440
6	Từ ngã 3 bệnh viện đến hết xưởng cưa Quảng Lâm	1.080
7	Từ xưởng cưa Quảng Lâm đến giáp ranh thôn Đồng Đò	720
<b>II</b>	<b>Quốc lộ 28 đi qua thị trấn Di Linh</b>	
*	Nhánh 1: Từ Bưu điện Di linh đến ngã 3 Cây Sơn ( Lý Thường Kiệt)	
1	Từ đầu đường Lý Thường Kiệt đến ngã rẽ, đầu đường Phan Bội Châu	1.560
2	Từ đường Phan Bội Châu giáp Km 95, QL28	1.080
3	Từ mốc Km95,QL28 đến giáp đầu đường Lê Hồng Phong	960
4	Giáp đường Lê Hồng Phong đến đầu đường Ngô Quyền	720
*	Nhánh 2: Đường vào xã Gung Ré( Nguyễn Tri Phương)	
1	Từ ngã 3 Nguyễn Tri Phương đế hết nhà số 25 Nguyễn Tri Phương	1.200
2	Từ cạnh nhà số 25 Nguyễn Tri Phương đến hết nhà số 91 Lê Lợi	840
3	Từ cạnh nhà số 91 Lê Lợi đến giáp ranh giới xã Gung Ré	480
<b>III</b>	<b>Các đường nội thị thuộc Thị trấn Di Linh</b>	
1	Đường Nguyễn Văn Cừ	
-	Từ đầu đường đến hết ranh giới nhà số 67	360
-	Từ cạnh nhà số 67 đến hết đường	180
2	Đường Lê Lai	180

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
3	Đường Ngô Sỹ Liên	180
4	Đường Nguyễn Đình Quân	
-	Từ QL 20 đến nhà số 23	600
-	Đoạn còn lại đến hết đường	300
5	Đường Võ Thị Sáu	
-	Từ QL 20 đến giáp lô 2 cụm quy hoạch dân cư	600
-	Từ lô 2 cụm quy hoạch đến hết cụm quy hoạch	300
-	Từ lô quy hoạch đến cuối	240
6	Đường Hà Huy Tập	
-	Từ đầu đường đến hết nhà số 24	720
-	Từ cạnh nhà số 24 đến hết nhà số 48	360
-	Đoạn còn lại đến cuối	180
7	Đường Đoàn Đức Ngọc	600
8	Đường Nguyễn Văn Trỗi	720
9	Đường Phạm Ngọc Thạch	600
10	Đường Phan Đình Giót	480
11	Đường Hai Bà Trưng	840
12	Đường Trần Hưng Đạo	840
13	Đường Nguyễn Huệ	600
14	Đường Ngô Gia Tự	
-	Từ lô 2 đến hết nhà số 6	600
-	Từ cạnh nhà số 8 đến hết đường	240
15	Đường Trần Quốc Toản	
-	Từ đầu đường đến ngã 3 giáp đường Hoàng Văn Thụ	1.200
-	Từ ngã 3 đến hết ranh giới nhà số 76 Trần Quốc Toản	600
-	Từ cạnh nhà số 76 đến hết đường	240
16	Đường Hoàng Văn Thụ	
-	Từ đầu đường đến hết nhà trẻ Tuổi Ngọc	1.200
-	Từ nhà trẻ Tuổi Ngọc đến giáp ngã 3 đường TQT	840
17	Đường Hoàng Diệu	
-	Từ đầu đường đến giáp đường Lê Văn Tám	480

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
18	Đường Lê Văn Tám	
-	Từ đầu đường đến hết nhà số 26	480
-	Từ nhà số 28 đến hết đường	180
19	Đường Nguyễn Du	
-	Từ đầu đường đến giáp công nước số 1	840
-	Từ cống số 1 đến giáp đầu đường Tôn Thất Tùng	600
-	Từ đầu đường Tôn Thất Tùng đến hết đường	240
20	Đường Mọ Kọ	
-	Từ đầu đường đến ngã 3 đến giáp đường K'Đen	840
-	Từ ngã 3 đến cuối đường	480
21	Đường Đoàn Thị Điểm	
-	Từ đầu đường đến nhà số 6	600
-	Từ nhà số 8 đến cuối đường	180
22	Đường Đào Duy Từ	
-	Từ đầu đường đến hết nhà số 34	720
-	Từ cạnh nhà số 34 đến giáp đường Chu Văn An	360
23	Đường Chu Văn An	360
24	Đường Bế Văn Đàn	600
25	Đường Phạm Ngũ Lão	
-	Từ đầu đường đến hết đường	720
26	Đường Bùi Thị Xuân	720
27	Đường Tôn Thất Tùng	300
28	Đường Nguyễn Cư Trinh	180
29	Đường Nguyễn Đình Chiểu	180
30	Đường Trần Phú	
-	Từ bệnh viện đến giáp đường Lương Thế Vinh	840
-	Từ đường Lương Thế Vinh đến giáp đường Nguyễn Viết Xuân	600
-	Từ đường Nguyễn Viết Xuân đến hội trường khu 6	420
-	Từ hội trường khu 6 đến ngã 3 Nguyễn Trung Trực	300
31	Đường Nguyễn Trung Trực	
-	Từ ngã 3 đến giáp ranh xã Tân Châu	240
-	Từ ngã 3 đến trạm tăng áp 500kv	360

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
32	Đường Ngô Thị Nhậm	
-	Từ hội trường khu 6 đến cuối đường	180
33	Đường Cao Bá Quát	360
34	Đường Nguyễn Việt Xuân	360
35	Đường Lương Thế Vinh	600
-	Giáp đường Lương Thế Vinh đến hết ranh giới nhà số 59	480
36	Đường Mạc Đình Chi	300
37	Đường Nguyễn Thiếp	300
38	Đường Võ Văn Tần	360
39	Đường Phan Bội Châu	
-	Từ đầu đường đến hết ranh giới nhà số 4	840
-	Từ cạnh nhà số 4 đến hết nhà số 14	600
-	Từ cạnh nhà số 14 đến cuối đường	240
40	Đường Lê Quý Đôn	
-	Từ đầu đường đến hết nhà số 26	600
-	Từ cạnh nhà số 26 đến cuối đường	240
41	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	360
42	Đường Hoàng Hoa Thám	360
43	Đường Phan Huy Chú	360
44	Đường Tôn Thất Thuyết	360
45	Đường Hồ Tùng Mậu	240
46	Đường Lê Hồng Phong	240
47	Đường Ngô Quyền	360
48	Đường Huỳnh Thúc Kháng	180
49	Đường Lê Thị Hồng Gấm	480
50	Đường Lý Tự Trọng	480
51	Đường Nguyễn Thái Học	
-	Đường 2 bên : bên trái và bên phải chợ Di Linh	1.440
-	Đường phía sau chợ Di Linh	1,200
52	Các khu vực còn lại	180

## **B. ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN**

B.1. Đất ở tại nông thôn khu vực 1: Đất ở ven đô thị, các đầu mối giao thông và các trục giao thông chính

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
<b>* XÃ LIÊN ĐÀM</b>		
1	Từ đường Ngô Quyền đến giáp thị trấn Di Linh	480
2	Từ đường Ngô Quyền đến giáp cầu Liên Đàm	480
3	Từ cầu Liên Đàm đến giáp ngã 3 công đò	720
4	Từ ngã 3 vào công đò đến giáp xã Đinh Trang Hòa	240
	<b>Đường vào thôn, xã</b>	
1	Đường Ngô Quyền (Từ QL 20 vào cầu trắng)	360
2	Đường vào thôn 6, thôn 7	
-	Từ ngã 3 công đò QL 20 đến chợ chè	240
-	Đoạn còn lại đến hết thôn 6	120
3	Đường đi Tân Châu - Tân Thượng (đoạn mới mở)	120
4	Đường thôn 1	180
5	Đường thôn 2	180
6	Đường vào thôn 3 đoạn còn lại	120
7	Đường nhánh thôn 3 khu vực trường Đoàn Kết	180
8	Đường thôn 5	180
9	Đường vào Tiên Cô từ QL 20 đến cầu gỗ	180
10	Đường nhánh thôn 8 từ đất nhà ông Thor đến hết đất nhà ông Ái	300
11	Đường vào thôn 9	180
12	Các đoạn đường còn lại	60
<b>* XÃ HÒA TRUNG</b>		
1	Từ ranh giới xã đến ngã 3 vào thôn 2	180
2	Từ ngã 3 vào thôn 2 đến UBND xã Hòa Trung	144
3	Từ UBND xã Hòa Trung đến ranh giới xã Hòa Bắc	120
4	Từ UBND xã Hòa Trung đến đầu cầu 2 Hòa Ninh	144
5	Các đoạn còn lại	60
<b>* XÃ HOÀ BẮC</b>		
<b>I</b>	<b>Đường vào thôn, xã</b>	
1	Từ giáp xã Hòa Trung đến hết cầu La òn	120
2	Từ cạnh cầu La òn đến hết trường TH Hòa Bắc	300
3	Cạnh trường TH Hòa Bắc đến ngã 3 thôn 7, thôn 8	240
4	Từ ngã 3 đi thôn 7, thôn 8 đến hết trụ sở Ban QL rừng Hòa Bắc - Hòa	120

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

STT	KHU VỰC, ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	Đơn giá đất
	Nam	
5	Đoạn còn lại đến ngã 3 vào đập	60
<b>II</b>	<b>Đường đi xã Hòa Ninh</b>	
1	Từ ngã 3 La òn đến hết trạm xá xã	180
2	Từ cạnh trạm xá xã đến ngã 3 đi thôn 2	180
3	Từ ngã 3 đi thôn 2 đến giáp xã Hòa Ninh	180
4	Từ ngã 3 thôn 2 đến hết đường đi thôn 18	60
<b>* XÃ TÂN THƯỢNG</b>		
1	Giáp xã Tân Châu đến đầu dốc thôn 2 (gần UBND xã Tân Thượng)	240
2	Từ đầu dốc cuối thôn 2 đến cuối thôn 3 (khúc cua)	540
3	Từ giữa dốc cuối thôn 3 đến cột điện thứ 4 (đếm từ trường học thôn 6 đi ra)	240
4	Từ cột điện thứ 4 đến trường học thôn 6 qua ngã 3 Bảo Lâm 100m	540
5	Đoạn còn lại giáp xã Đinh Trang Thượng	144
6	Đường vào thôn 8, thôn 9 từ QL 28 đến ngã 3 Rosen (đường đi B'Nát)	120
7	Đường vào sở XuNhê cũ (từ QL28 vào 100m)	180
8	Đường đi thôn 11:	
-	Từ QL 28 đến ngã 3 thôn 3 đi thôn 11	240
-	Từ ngã 3 thôn 3 đi thôn 11 vào Thủy điện Đồng Nai II 500m	180
-	Các đoạn còn lại	60
<b>* XÃ GIA HIỆP</b>		
<b>I</b>	<b>Đất dọc trục giao thông chính -QLộ 20</b>	
1	Từ km167 giáp xã Đinh Lạc đến km168	300
2	Từ km168 đến km169	360
3	Từ km169 đến hết UBND xã Gia Hiệp	480
4	Từ UBND xã Gia Hiệp đến km171 (trường TH Phú Hiệp)	420
5	Từ km171 đến đầu đèo Phú Hiệp	300
6	Từ đầu đèo Phú Hiệp đến giáp xã Tam Bó	180
<b>II</b>	<b>Đường vào thôn</b>	
1	Từ QL20 vào thôn 8	84
2	Từ QL20 vào thôn 5a,5b Gia lành	84
3	Từ QL20 vào thôn 1	

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
-	Từ QL20 vào giáp đất huyện đội	120
-	Từ giáp đất huyện đội đến suối 20	84
4	Từ QL20 vào thôn 7	
-	Từ QL20 vào ngã 3 B'Sụt	120
-	Từ ngã 3 B'Sụt đến suối và khu dân cư B'Sụt	60
5	Từ QL20 vào thôn 2 liên thôn Gia Lành	
-	Từ đất nhà ông Hà đến hết đất nhà ông Tự	180
-	Các đoạn còn lại	84
6	Từ QL20 vào thôn 2	
-	Từ đất nhà ông Tiến đến giáp đường ngang	180
-	Các đoạn còn lại	120
7	Từ QL 20 vào thôn Phú Hiệp 3	
-	Từ QL 20 nhà ông Công đến giáp đường ngang	144
-	Từ QL 20 nhà ông Thái đến giáp đường ngang	144
-	Từ QL20 chợ Phú Hiệp đến giáp đường ngang	144
-	Đường ngang thôn Phú Hiệp 3	84
-	Các nhánh rẽ của đường ngang thôn Phú Hiệp 3	60
8	Từ QL20 (Nhà ông Đơn bán VLXD đến hồ 1)	
-	Từ QL20 nhà ông Sơn đến hồ 1	180
-	Các nhánh rẽ ngang từ đường nhà ông Sơn vào	120
9	Đường vào thôn Phú Hiệp 2, từ đầu nhà ông Tắc vào giáp đường ngang nhà ông Trạc và các nhánh rẽ.	120
10	Từ QL20 nhà ông Bảo đến nhà ông Bao và các nhánh rẽ	120
11	Từ QL20 nhà bà Chí vào khu Phú Xuân	
-	Từ nhà bà Chí đến ngã 3 sân bóng Phú Xuân	144
-	Đoạn còn lại	120
12	Từ QL20 từ nhà bà Nhạn vào thôn 3	
-	Từ nhà bà Nhạn đến hội trường thôn 3	144
-	Đoạn còn lại	84
13	Các nhánh đường còn lại	60
<b>* XÃ GIA BẮC</b>		
1	Ven QL28: 2km từ thôn NaoSẻ đến thôn KaSá đến thôn Đạ Hồng	72

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
2	Thôn Bộ Bê (trung tâm xã)	48
3	Thôn Hà Giang	36
4	Từ thôn Hà Giang đến thôn Dạ Hồng	36
<b>* XÃ SƠN ĐIỀN</b>		
	<b>Từ quốc lộ 28 vào( km70)</b>	
1	Đầu thôn Langbang đến cuối thôn Hà Giang	48
2	Thôn KaLiêng	36
3	Thôn Đãng Gia và thôn Bó Cao	48
4	Thôn KonSôh	36
5	Thôn B'Nôm	36
<b>* XÃ TAM BỐ</b>		
<b>I</b>	<b>Đất dọc trục giao thông chính -Qlô 20</b>	
1	Từ đỉnh đèo giáp xã Gia Hiệp đến hết ngã 3 đất đỏ (Nhà ông Nguyễn)	180
2	Từ nhà ông Nguyễn đến hết nhà ông Bảy lùn (Chùa Quan Âm)	360
3	Từ chùa Quan Âm đến hết cầu Đa Le (giáp ranh giới huyện Đức Trọng)	180
<b>II</b>	<b>Đường vào thôn</b>	
1	Từ ngã 3 chùa Chương Phước vào thôn 4, thôn 5	
-	Từ ngã 3 vào đến hết nhà ông Nguyễn Ngọc Tân	180
-	Từ nhà ông Tân đến ngã 5 thôn 4, thôn 5	84
2	Từ ngã 3 nhà thờ Tam Bố vào thôn 4, thôn 5	
-	Từ ngã 3 nhà thờ đến ngã 3 nhà ông Điệp	240
-	Từ trạm kiểm lâm đến ngã 5 thôn 4, thôn 5	180
3	Từ ngã 5 thôn 4 đến ngã 3 Suối đá	60
4	Từ QL20 vào cầu Hiền Nhân	
-	Từ QL20 đến ngã 3 nghĩa địa (nhà ông Thanh)	120
-	Từ ngã 3 nghĩa địa đến cầu Hiền Nhân	84
5	Đoạn còn lại	60
<b>* XÃ ĐÌNH LẠC</b>		
<b>I</b>	<b>Đất dọc trục giao thông chính -Qlô 20</b>	
1	Từ cây xăng vật tư đến hết trường TH Đình Lạc (đường vào thôn Đồng Lạc 3)	600
2	Từ trường TH Đình Lạc đến đường vào sở Bảo Nam	480

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
3	Từ đường vào sở Bảo Nam đến giáp ranh xã Gia Hiệp	360
<b>III</b>	<b>Đường vào thôn</b>	
1	Từ QL20 vào thôn Tân Lạc	
-	Từ QL20 vào thôn Tân Lạc đến ngã rẽ nhà ông Hoài	240
-	Từ nhà ông Hoài đến ngã 3 nhà bà Tường	180
-	Từ nhà bà Tường đến hết đường thôn Tân Lạc	120
-	Các nhánh đường còn lại của thôn Tân Lạc	84
2	Từ QL20 đi vào đò 1001	
-	Từ QL20 vào đến ngã 3	180
-	Các nhánh đường còn lại	120
3	Từ QL20 vào thôn Duệ	
-	Từ QL20 vào đến hết trường cấp II Đình Lạc	240
-	Từ trường cấp II Đình Lạc đến hết đường vào thôn Duệ	120
-	Từ QL20 vào đến hết sân bóng (cạnh nhà máy thiếc)	144
-	Cách QL20 500m	120
-	Đoạn còn lại	84
4	Từ QL20 vào thôn K'Quynh cạnh cây xăng bà Nguyệt	84
5	Từ QL20 vào đến nhà ông Dư bà Nhung	
-	Cách QL20 500m	144
-	Đoạn còn lại	84
6	Từ QL20 cạnh hội trường vào thôn Đồng Lạc 3	
-	Cách QL20 500m	144
-	Đoạn còn lại	84
7	Từ QL20 cạnh nhà thờ Tân Phú đường vào suối (Tân Phú 1)	84
8	Từ QL20 vào nghĩa địa Tân Phú	84
9	Từ QL20 vào đường đến sở Bảo Nam	
-	Cách QL20 500m (phân lại đoạn đường)	92,4
-	Đoạn còn lại	84
10	Từ QL20 từ nhà ông Xuyên đến dốc Minh Ngũ	120
11	Từ QL20 từ nhà ông Cương đến đầu dốc Minh Ngũ	120
-	Đoạn còn lại từ dốc Minh Ngũ vào	60
12	Từ QL20 vào giáp xã Bảo Thuận	

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
-	Từ QL29 vào đến hết sân bóng K'Quynh	240
-	Đoạn còn lại đến giáp ranh xã Bảo Thuận	120
13	Đoạn còn lại	60
<b>* XÃ HÒA NINH</b>		
<b>I</b>	<b>Độc QL20</b>	
1	Giáp xã Đinh Trang Hòa đến trường cấp III Lê Hồng Phong	480
2	Từ trường cấp III Lê Hồng Phong đến đầu lô chợ	540
3	Từ cạnh lô quy hoạch chợ đến hết cây xăng Hòa Ninh	720
4	Từ cây xăng Hòa Ninh đến công sinh giáp Bảo Lâm	420
<b>II</b>	<b>Đường vào xã, thôn</b>	
1	Từ QL20 vào đến cổng thoát nước số 2	600
2	Từ cổng thoát nước số 2 đến hết trạm y tế xã	360
3	Từ trạm y tế đến cầu 1	300
4	Từ cầu 1 đến giáp nghĩa địa cầu 2	300
5	Từ nghĩa địa cầu 2 đến giáp xã Hòa Nam	240
6	Từ ngã 3 đi Hòa Bắc đến giáp xã Hòa Bắc	240
7	Từ ngã 3 đường đi xã Hòa Trung đến trường MG thôn 13	240
8	Các đoạn còn lại đến giáp xã Hoà Trung	180
9	Đường đi thôn 10 đến giáp xã Đinh Trang Hoà	60
<b>* XÃ ĐINH TRANG THƯỢNG</b>		
	<b>Đất khu dân cư dọc quốc lộ 28</b>	
1	Giáp ranh xã Tân Thượng đến đường vào trường học thôn 2	120
2	Từ đường vào trường học, 135(thôn 2) đến giáp ngã 4 đường liên thôn	144
3	Từ ngã 4 đường liên thôn 1, thôn 3 đến hết đài tưởng niệm xã	120
4	Từ cạnh đài tưởng niệm xã đến hết thôn 5	96
5	Đoạn còn lại	66
<b>* XÃ TÂN NGHĨA</b>		
<b>I</b>	<b>Đất dọc trục giao thông chính -QLộ 20</b>	
1	Từ giáp thị trấn Di Linh đến giáp xã Đinh Lạc	600
<b>II</b>	<b>Đường vào xã, thôn</b>	
1	Từ ngã 3 Tân Nghĩa (Cty Petec) đến giáp đường rẽ mới và đường rẽ mới ra QL20	420

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
2	Từ đường rẽ mới đến đường vào thôn Kbra cũ	240
3	Từ đường rẽ vào thôn K'Bra cũ đến hết trung tâm xã (hết cây xăng ông Thuấn, CH VLXD Phương Chát)	360
4	Từ CH VLXD Phương Chát đến cầu Be và đến hết cầu ciment	240
6	Từ cầu Ciment đến hết đường nhựa mới	180
7	Các nhánh rẽ :	
-	Từ cây xăng ông Thuấn đến hết cổng chào thôn Lộc Châu 2	144
-	Từ đất nhà ông Chiến đến đường rẽ lên công chào thôn Lộc Châu 2	120
-	Từ đất nhà ông Hưng đến hết đất nhà ông Hiến thôn Lộc Châu 1	120
9	Các đoạn còn lại	84

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
<b>* XÃ GUNG RÉ</b>		
<b>I</b>	<b>Đất dọc trục giao thông chính -QLộ 20</b>	
1	Đường Mọ Kọ(nhà ông Trạng) đến đường K'Đen	840
2	Từ đường K'Đen đến hết trường học K'Ming	480
3	Đoạn còn lại của đường K'Ming	180
4	Đầu đường K'Đen đến giáp đường Hoàng Văn Thụ	480
5	Đường sau sân bóng	480
6	Đường Hoàng Văn Thụ giáp ranh khu 4 thị trấn Di Linh	840
7	Từ ngã 3 Trần Quốc Toàn đến hết đường nhựa	600
8	Đoạn còn lại của đường Trần Quốc Toàn	240
9	Giáp ranh TT (đường Lê Lợi) đến giáp ngã 3 Trại phong	360
10	Từ ngã 3 trại phong đến hết cổng trại phong	300
11	Từ cổng Trại phong đến hết mỏ đá	90
12	Từ cạnh mỏ đá đến cầu bê tông giáp ranh xã Bảo Thuận	120
<b>II</b>	<b>Dọc QL28</b>	
1	Từ ngã 3 vào trại phong đến hết cầu I	480
2	Từ cạnh cầu I đến hết cổng đội chè Đăng Rách	360
3	Từ cạnh cổng đội chè Đăng Rách đến hết cầu II	600
4	Từ cạnh cầu II đến hết cầu III	360
5	Từ cạnh cầu III đến hết nghĩa địa Hàng Hải	240
6	Từ cạnh nghĩa địa Hàng Hải đến hết cụm dân cư (cầu 4)	120
7	Đoạn còn lại	66
<b>* XÃ HÒA NAM</b>		
1	Từ cầu 3 đến ngã 3 đi thôn 8	360
2	Từ ngã 3 đi thôn 8 đến ngã 4 đi thôn 5, thôn 3	600
3	Từ ngã 4 đi thôn 3, thôn 5 đến trường TH Hoà Nam 1	360
4	Từ trường học đến ngã 3 đi thôn 12	180

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
5	Đoạn còn lại đến hết thôn 13	120
6	Từ ngã 4 đi thôn 5, thôn 3 đến ngã 3 đi thôn 4	240
7	Từ ngã 3 đi thôn 4 đến trường TH Hòa Nam 2	120
8	Từ ngã 3 đi thôn 8 đến cầu thôn 8	360
9	Từ cầu thôn 8 đến hết thôn 8	180
10	Từ UBND xã đến trường TH Hoà Nam 2	180
11	Các đoạn còn lại	60
<b>* XÃ TÂN CHÂU</b>		
	<b>Đất dọc QL28</b>	
1	Từ đầu đường Ngô Quyền đến ngã 3 công đồ	600
2	Đoạn còn lại đến dốc Núi chẻ	300
3	Đường vào thôn 7	
-	Từ đầu đường QL28 đến ngã rẽ thôn 4	300
-	Từ ngã rẽ thôn 4 đến hết cầu thôn 7	180
-	Từ cầu thôn 7 đến hết cầu Thanh niên xung phong	120
4	Đường thôn 4	
-	Từ ngã rẽ thôn 4 đến hết đường nhựa	180
-	Đoạn còn lại của thôn 4	96
5	Đường liên thôn 8, thôn 3	
-	Từ QL28 đến ngã 3 nghĩa địa	180
-	Từ ngã 3 nghĩa địa đến hết thôn 3	96
6	Đường đi thôn 1	
-	Từ QL28 đến hết trường học	180
-	Đoạn còn lại của thôn 1	96
7	Từ ngã 3 công đồ đến giáp ranh ngã 3 đi xã Liên Đàm	180
8	Từ cuối chân đập 1019 đến ranh giới giữa thị trấn Di Linh và xã Tân Châu	180
9	Đường Tân Châu đi Tân Thượng (đường mới làm)	120
<b>* XÃ ĐỊNH TRẠNG HÒA</b>		
<b>I</b>	<b>Đất dọc QL20</b>	

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
1	Đoạn giáp xã Liên Đàm đến cách ngã 3 Đinh Trang Hòa 100m ( hướng từ Đà Lạt đi Tp.HCM)	240
2	Từ ngã 3 Đinh Trang Hòa 100m đến hết cầu Đinh Trang Hòa	600
3	Từ cầu Đinh Trang Hòa đến giáp xã Hòa Ninh	480
<b>II</b>	<b>Đường vào thôn, xã</b>	
1	Đường vào xã Hòa Trung	
-	Từ ngã 3 xã Đinh Trang Hòa đến hết bưu điện Đinh Trang Hòa	600
-	Từ giáp bưu điện Đinh Trang Hòa đến giáp cầu sắt số 1	420
-	Từ cầu sắt số 1 đến giáp xã Hòa Trung	240
2	Đường vào nông trường Đinh Trang Hòa	
-	Từ QL20 đến hết đất trụ sở Nông trường cà phê Đinh Trang Hòa	300
-	Đoạn còn lại đến giáp xã Lộc An	120
3	Từ trường Lê Văn Tám đi các hướng thôn 9, thôn 13, thôn 15 (cách 200m)	120
4	Cách trường Lê Văn Tám 200m đi về hướng thôn 9, giáp khu quy hoạch xã mới	84
5	Cách trường Lê Văn Tám 200m đi về hướng thôn 15 đến ngã rẽ vào thôn 10 xã Tân Thượng	84
6	Từ ngã 3 Bunsonao đến giáp xã Lộc An, Lộc Đức -Bảo Lâm	60
7	Cách trường Lê Văn Tám 200m đi về hướng thôn 13	60
8	Ngã 3 Cây Điệp vào thôn 7 Đinh Trang Hòa	120
9	Đường đi thôn 3 :	
-	Từ QL20 vào đến ngã 3 đầu tiên, đất nhà ông K'Tim	180
-	Các đoạn còn lại	120
10	Từ ngã 3 cây điệp vào thôn 5B đến hết trường THCS Đinh Trang Hoà	240
11	Từ QL20 vào thôn 3 giáp cầu Dạ Nở	120
<b>* XÃ BẢO THUẬN</b>		
	<b>Đất dọc trục giao thông chính</b>	
1	Từ cầu bê tông đến UBND xã Bảo Thuận (mương thủy lợi)	180
2	Từ mương thủy lợi đến hết ranh giới thôn KaLa 1(N'Krọt)	120

**DVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>KHU VỰC, ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG</b>	<b>Đơn giá đất</b>
3	Từ đầu thôn N'Krot đến giáp ranh xã Đinh Lạc	96
4	Từ ngã 3 buro điện xã đến cầu sắt ĐaR'iam (5 thôn phía nam của xã)	144
5	Từ cầu sắt ĐaR'iam đến nghĩa địa Nam Thuận	96
6	Từ thôn KaLa 2 đến thôn N'Krot	60
7	Đoạn còn lại	36

B.2. Đất ở tại nông thôn khu vực 2: Đất ven các trục lộ giao thông liên thôn tiếp giáp với trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại, dịch vụ, khu du lịch, khu chế xuất (không thuộc bảng giá tại điểm B.1 nêu trên): 42.000đồng/m<sup>2</sup>

B.3. Đất ở tại nông thôn khu vực 3: là đất thuộc các khu vực còn lại: 30.000đồng/m<sup>2</sup>

### **C. ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP:**

C.1. Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất tôn giáo, tín ngưỡng (bao gồm: đất do các cơ sở tôn giáo sử dụng, đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà bảo tồn, nhà thờ họ); đất xây dựng nhà bảo tàng, nhà bảo tồn, nhà trưng bày tác phẩm, cơ sở sáng tác văn hóa nghệ thuật giá đất được xác định bằng giá đất ở cùng đường phố, cùng vị trí và cùng khu vực hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất được quy định tại Mục A và B trên đây.

C.2. Đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: giá đất được xác định bằng 60% giá đất ở cùng đường phố, cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất ở tại khu vực lân cận gần nhất được quy định tại Mục A và B trên đây.

C.3. Đối với đất sử dụng vào các mục đích công cộng theo quy định tại Khoản 5- Điều 6 - Nghị định số 181/2004/NĐ-CP và các loại đất cho các công trình xây dựng khác của tư nhân không nhằm mục đích kinh doanh và không gắn liền với đất ở; đất làm nhà nghỉ, lán, trại cho người lao động; đất đô thị được sử dụng để xây dựng nhà phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; đất xây dựng chuồng trại chăn nuôi động vật được pháp luật cho phép; đất xây dựng trạm, trại nghiên cứu thí nghiệm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; đất xây dựng nhà kho, nhà của hộ gia đình, cá nhân để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp): giá đất được xác định bằng 85% giá đất quy định tại mục C.2 trên đây.

C.4. Đối với đất làm nghĩa trang, nghĩa địa: giá đất được xác định bằng 50% mức giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại vùng lân cận gần nhất quy định tại điểm C.2 trên đây.

### **D. ĐẤT NÔNG NGHIỆP:**

**Được xác định theo 3 khu vực và 3 vị trí như sau:**

- Khu vực 1: Đất thuộc địa bàn Thị trấn Di Linh, Liên Đàm, Đinh Lạc, Hoà Ninh và Tân Châu.

- Khu vực 2: Đất thuộc địa bàn các xã Gia Hiệp, Tân Nghĩa, Tân Thượng, Hoà Trung, Hoà Nam, Hoà Bắc, Gung Ré và Đinh Trang Hoà.

- Khu vực 3: Đất thuộc địa bàn các xã Gia Bắc, Sơn Điền, Đinh Trang Thượng và Tam Bồ.

- Vị trí 1: Là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ khu vực sản xuất đến mép lộ giới của Quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện và liên xã trong phạm vi đến 500m.

- Vị trí 2: Là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ khu vực sản xuất đến mép lộ giới của Quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện và liên xã trong phạm vi trên 500m đến 1.000m.

- Vị trí 3: Các vị trí còn lại

### **I. Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản:**

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

STT	Khu vực	Đơn giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Khu vực 1	24.0	19.0	12.0
2	Khu vực 2	19.0	16.0	10.0
3	Khu vực 3	12.0	10.0	6.0

### **II. Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm:**

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

STT	Khu vực	Đơn giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Khu vực 1	30	24	15
2	Khu vực 2	24	19	12
3	Khu vực 3	16	12	8

**III. Giá đất trong các trường hợp sau đây được quy định bằng 1,5 lần mức giá đất trồng cây lâu năm ở vị trí 1 cùng vùng, cùng khu vực.**

- Đất vườn, ao cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở thuộc địa bàn các xã;

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

#### **IV. Giá đất trong các trường hợp sau đây được quy định bằng 02 lần mức giá đất trồng cây lâu năm ở vị trí 1 cùng vùng, cùng khu vực.**

- Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở thuộc địa bàn thị trấn;

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi địa giới thị trấn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi địa giới thị trấn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

#### **V. Đất rừng sản xuất:**

**ĐVT: 1.000đồng/m<sup>2</sup>**

<b>STT</b>	<b>Vị trí</b>	<b>Đơn giá đất</b>
1	Vị trí 1: Là đất có mặt tiền tiếp giáp với đường quốc lộ, tỉnh lộ.	<b>12</b>
2	Vị trí 2: Là đất mặt tiền đường có xe 4 bánh vào được.	<b>10</b>
3	Vị trí 3: Là đất thuộc các vị trí còn lại	<b>6</b>

#### **VI. Đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và đất rừng cảnh quan:**

1. Đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng: tính bằng 90% giá đất rừng sản xuất có cùng vị trí.

2. Đất rừng cảnh quan: tính bằng 110% giá đất rừng sản xuất có cùng vị trí